

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG
CAO BẰNG**

MỤC LỤC
---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 19



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG CAO BẰNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty TNHH Thủy nông Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Thủy nông Cao Bằng, được chuyển đổi theo Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104615, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp, thay đổi lần thứ hai ngày 01 tháng 09 năm 2020.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Dịch vụ thủy lợi gồm: quản lý, vận hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu nước, xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi.

Trụ sở chính: Số 058A, tổ 9, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Chủ tịch, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Chủ tịch Công ty

Ông Bé Văn Thìm

Chủ tịch

Ban Kiểm soát

Ông Đàm Minh Hiếu

Trưởng ban

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông La Chí Thành

Giám Đốc

Ông Trần Đức Minh

Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/3/2021)

Bà Nông Thị Bích Hòa

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Bé Văn Thìm

Ông La Chí Thành được giao nhiệm vụ phụ trách, điều hành hoạt động của Công ty kể từ ngày 08/5/2020 theo Quyết định số 16/QĐ-TN ngày 08/5/2020 của Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng.

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

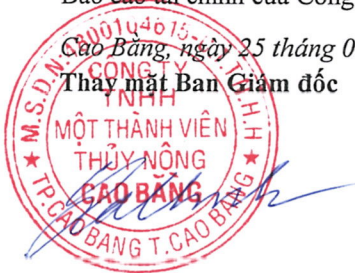
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Cao Bằng, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Thay mặt Ban Giám đốc



La Chí Thành

Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: C1121068-R/AISHN-TC **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi:

CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG CAO BẰNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Thủy nông Cao Bằng được lập ngày 25 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả. Cụ thể: Số dư phải thu ngắn hạn khách hàng chưa được xác nhận là 1.852.846.265 đồng trong tổng số 1.852.846.265 đồng (chiếm tỷ lệ 100%); Phải thu ngắn hạn khác chưa được xác nhận là 1.013.309.400 đồng trong tổng số 1.986.343.080 đồng (chiếm tỷ lệ 51%); Phải trả ngắn hạn khác chưa được xác nhận là 167.603.775 đồng trong tổng số 167.603.775 đồng (chiếm tỷ lệ 100%). Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu của các chỉ tiêu này và ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty chưa thực hiện kiểm kê tài sản cố định hữu hình, nguyên nhân do đặc thù hệ thống tài sản cố định của Công ty trải rộng trên nhiều địa bàn, nhiều công trình ngầm dẫn đến khó khăn trong việc kiểm kê, đánh giá. Chúng tôi cũng không thể sử dụng các thủ tục kiểm toán để xác định tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với một số khoản công nợ quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi, với tổng số tiền là 319.548.585 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay: Chi tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng lên và "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi cùng số tiền 319.548.585 đồng. Đồng thời trên Bảng cân đối kế toán: Chi tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ tăng lên và giảm đi lần lượt cùng một số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Thủy nông Cao Bằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM (“AISC”)

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022



PHẠM XUÂN SƠN

*Số Giấy CNĐKHNKT: 1450-2019-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THANH TÙNG

*Số Giấy CNĐKHNKT: 4981-2019-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.331.973.090	3.978.539.189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	387.942.650	208.822.088
1. Tiền	111		387.942.650	208.822.088
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.848.127.144	3.678.342.896
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.852.846.265	1.398.858.738
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.937.799	8.937.799
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.986.343.080	2.270.546.359
III. Hàng tồn kho	140		-	28.025.200
1. Hàng tồn kho	141		-	28.025.200
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		95.903.296	63.349.005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	94.591.683	62.037.391
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	1.311.613	1.311.614
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		464.925.971.896	391.932.688.117
I. Tài sản cố định	220		464.925.971.896	391.552.240.117
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	464.925.971.896	391.552.240.117
- Nguyên giá	222		466.660.872.548	393.214.269.349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.734.900.652)	(1.662.029.232)
II. Tài sản dài hạn khác	260		-	380.448.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	-	380.448.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		469.257.944.986	395.911.227.306

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.880.948.047	1.952.602.534
I. Nợ ngắn hạn	310		1.880.948.047	1.952.602.534
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	981.889.575	981.763.548
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	78.635.984	78.635.984
3. Phải trả người lao động	314		652.818.733	683.267.429
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	167.603.755	208.935.573
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		467.376.996.939	393.958.624.772
II. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	467.376.996.939	393.958.624.772
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		471.094.942.757	397.706.639.558
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.373.287	81.373.287
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.250.000	2.250.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.801.569.105)	(3.831.638.073)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.831.638.073)	(3.242.910.888)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.068.968	(588.727.185)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		469.257.944.986	395.911.227.306

Cao Bằng, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bé Thị Cẩm

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nông Thị Bích Hòa

GIÁM ĐỐC




La Chí Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	11.184.469.727	10.434.515.509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.184.469.727	10.434.515.509
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.008.628.368	8.806.098.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.175.841.359	1.628.417.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	53.239.142	2.001.742
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	2.196.687.783	2.303.020.362
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		32.392.718	(672.601.169)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	488.852.761	488.190.925
12. Chi phí khác	32	VI.6	491.176.511	404.316.941
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.323.750)	83.873.984
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.068.968	(588.727.185)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.068.968	(588.727.185)

Cao Bằng, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bế Thị Cẩm

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nông Thị Bích Hòa



GIÁM ĐỐC

La Chí Thành

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		10.730.482.200	10.001.635.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.618.184.079)	(3.535.928.669)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.158.532.258)	(6.154.132.968)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		109.773.500	558.232.640
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(1.937.657.916)	(1.210.973.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.881.447	(341.167.156)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		53.239.142	2.001.742
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		53.239.142	2.001.742
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		179.120.589	(339.165.414)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		208.822.088	547.987.502
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	387.942.677	208.822.088

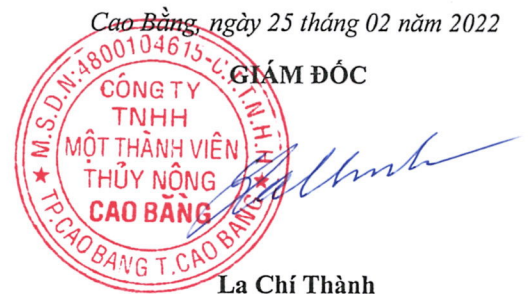
Cao Bằng, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bé Thị Cẩm

Nông Thị Bích Hòa



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty TNHH Thủy nông Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Thủy nông Cao Bằng, được chuyển đổi theo Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104615, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp, thay đổi lần thứ hai ngày 01 tháng 09 năm 2020.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ thủy lợi gồm: quản lý, vận hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu nước, xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa;
- Sản xuất hoá chất cơ bản;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà công ty kinh doanh;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

Trụ sở chính: Số 058A, tổ 9, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: 97 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 104 nhân viên)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 đối với các tài sản gồm Nhà cửa, vật kiến trúc, Máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải, truyền dẫn.

Các tài sản Công ty không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2019 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Máy bơm nước từ 8.000 m³/giờ trở lên cùng với các vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty hàng năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là kinh phí được cấp từ Ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo các công trình thủy lợi trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước đã được Công ty đưa vào sử dụng và quản lý.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi các khoản tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

09/12
CHI
ĐNG
EM
CH
HOC
TRUN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền	387.942.650		208.822.088	
Tiền mặt	217.889.400		183.520.600	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	170.053.250		25.301.488	
Cộng	387.942.650		208.822.088	
2. Phải thu của khách hàng	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.852.846.265	-	1.398.858.738	-
Sở Tài chính Cao Bằng	1.833.876.265	-	1.394.888.738	-
Công an tỉnh Cao Bằng	15.000.000	-	-	-
Ngôn Văn Hương	2.500.000	-	2.500.000	-
Trương Chiến Hào	1.470.000	-	1.470.000	-
Cộng	1.852.846.265	-	1.398.858.738	-
3. Trả trước cho người bán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	8.937.799	-	8.937.799	-
Trạm Thủy nông Hoà An	6.252.719	-	6.252.719	-
Đoàn Tuấn	1.441.213	-	1.441.213	-
Lý Thị Thu	1.243.867	-	1.243.867	-
Cộng	8.937.799	-	8.937.799	-
4. Phải thu khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.986.343.080	-	2.270.546.359	-
Chi phí xuất toán theo các biên bản kiểm tra của Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh	696.293.700	-	921.221.979	-
Các đối tượng không còn là CBNV	239.498.700	-	282.013.700	-
Tạm ứng	1.049.880.680	-	1.061.880.680	-
Nông Thị Bích Hòa	508.937.000	-	508.937.000	-
Trần Đức Minh	211.800.000	-	211.800.000	-
Bế Văn Thùm	61.282.000	-	61.282.000	-
Nông Văn Khởi	56.830.700	-	56.830.700	-
Các đối tượng khác	211.030.980	-	223.030.980	-
Các quỹ ủng hộ	670.000	-	5.430.000	-
Cộng	1.986.343.080	-	2.270.546.359	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG CAO BÀNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.116.476.751	1.529.322.800	1.113.200.000	62.200.000	389.393.069.798	393.214.269.349
Mua trong năm	-	-	58.300.000	-	-	58.300.000
Tăng khác (*)	-	-	-	-	78.265.671.199	78.265.671.199
Giảm khác (*)	(25.000.000)	(496.577.000)	-	-	(4.355.791.000)	(4.877.368.000)
Số dư cuối năm	1.091.476.751	1.032.745.800	1.171.500.000	62.200.000	463.302.949.997	466.660.872.548
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	726.956.823	15.258.985	857.613.424	62.200.000	-	1.662.029.232
Khấu hao trong năm	25.349.864	-	47.521.556	-	-	72.871.420
Số dư cuối năm	752.306.687	15.258.985	905.134.980	62.200.000	-	1.734.900.652
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	389.519.928	1.514.063.815	255.586.576	-	389.393.069.798	391.552.240.117
Số dư cuối năm	339.170.064	1.017.486.815	266.365.020	-	463.302.949.997	464.925.971.896

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.348.023.599 VND.

(*) Tăng giảm tài sản cố định tương ứng với tăng, giảm vốn chủ sở hữu trong năm theo các Quyết định của Sở Tài chính, UBND tỉnh Cao Bằng (xem chi tiết tại thuyết minh số 11)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí trả trước		31/12/2021	01/01/2021
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		94.591.683	62.037.391
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		94.591.683	62.037.391
b. Chi phí trả trước dài hạn		-	380.448.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định		-	380.448.000
Cộng		94.591.683	442.485.391

7. Phải trả người bán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	981.889.575	981.889.575	981.763.548	981.763.548
Công ty TNHH Gia Linh CB	647.190.000	647.190.000	-	-
Bể Nhật Hà	126.553.051	126.553.051	126.553.051	126.553.051
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Minh Quân Cao Bằng	56.928.000	56.928.000	-	-
Trạm Thủy nông Hồng Đại	55.558.068	55.558.068	55.558.068	55.558.068
Điện lực Trùng Khánh	-	-	351.769.159	351.769.159
Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng	-	-	167.907.533	167.907.533
Các đối tượng khác	95.660.456	95.660.456	279.975.737	279.975.737
Cộng	981.889.575	981.889.575	981.763.548	981.763.548

8. Người mua trả tiền trước		31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn		78.635.984	78.635.984
Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng Cao Bằng		40.000.000	40.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng và PTNT I Cao Bằng		38.635.984	38.635.984
Cộng		78.635.984	78.635.984

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
a. Phải nộp				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	25.993.020	25.993.020	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.034.612	3.034.612	-
Cộng	-	29.027.632	29.027.632	-
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	257.536	-	-	257.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.054.077	-	-	1.054.077
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1	1	-	-
Cộng	1.311.614	1	-	1.311.613

10. Phải trả khác		31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn			
Ban quản lý dự án Thủy nông		22.774.049	22.774.049
Công ty TNHH Xây dựng và thiết kế Hiến Giang		18.096.000	-
Trạm thủy nông Hà Quảng		-	52.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác		126.733.706	133.661.524
Cộng		167.603.755	208.935.573

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY NÔNG CAO BẰNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	299.932.273.710	81.373.287	2.250.000	(6.602.998.920)	293.412.898.077
Tăng vốn	97.774.365.548	-	-	-	97.774.365.848
Tăng khác	-	-	-	3.360.088.032	3.360.088.032
Lợi nhuận	-	-	-	(588.727.185)	(588.727.185)
Số dư cuối năm trước	397.706.639.558	81.373.287	2.250.000	(3.831.638.073)	393.958.624.772
Số dư đầu năm nay	397.706.639.558	81.373.287	2.250.000	(3.831.638.073)	393.958.624.772
Tăng vốn (*)	78.265.671.199	-	-	-	78.265.671.199
Giảm khác (**)	(4.877.368.000)	-	-	-	(4.877.368.000)
Lợi nhuận	-	-	-	30.068.968	30.068.968
Số dư cuối năm nay	471.094.942.757	81.373.287	2.250.000	(3.801.569.105)	467.376.996.939

(*) Tăng vốn theo QĐ số: 2039/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; QĐ số:46/QĐ-UBND ngày 07/01/2021; QĐ số: 2539/QĐ-STC ngày 28/12/2020; QĐ số: 574/QĐ-TCTL-KHTC ngày 20/11/2020; QĐ số: 2376/QĐ-STC ngày 12/12/2019; QĐ số: 2372/QĐ-STC ngày 12/12/2019; QĐ số: 1685/QĐ/UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng

(**) Giảm vốn do bàn giao lại tài sản cho các trạm bơm huyện, xã, thị trấn,... theo các Quyết định của UBND tỉnh Cao Bằng trong năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2021	01/01/2021
	Vốn góp của Nhà nước	100,00%	471.094.942.757
Cộng	100,00%	471.094.942.757	397.706.639.558
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			
		Năm 2021	Năm 2020
Vốn góp của chủ sở hữu		471.094.942.757	397.706.639.558
<i>Vốn góp đầu năm</i>		397.706.639.558	299.932.273.710
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>		78.265.671.199	97.774.365.848
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>		(4.877.368.000)	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>		471.094.942.757	397.706.639.558
d. Các quỹ của doanh nghiệp			
		31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển		81.373.287	81.373.287
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu		2.250.000	2.250.000
Cộng		83.623.287	83.623.287

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ thù lợi phí	11.043.444.527	10.412.916.509
Doanh thu cho thuê sử dụng mặt hồ	29.000.000	21.599.000
Doanh thu khác	112.025.200	-
Cộng	11.184.469.727	10.434.515.509
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	9.008.628.368	8.806.098.058
Cộng	9.008.628.368	8.806.098.058
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	53.239.142	2.001.742
Cộng	53.239.142	2.001.742
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1.472.233.854	1.303.095.425
Chi phí khấu hao TSCĐ	72.871.420	198.869.844
Thuế, phí, lệ phí	29.984.645	24.663.854
Chi phí bằng tiền khác	621.597.864	776.391.239
Cộng	2.196.687.783	2.303.020.362
5. Thu nhập khác		
Thu nhập từ điều chỉnh giảm các khoản phải trả	-	28.858.500
Thu từ đấu giá và thanh lý tài sản	-	47.500.000
Giá trị công trình Pác Gậy	-	397.839.500
Kinh phí hỗ trợ khắc phục hạn hán năm 2021	488.830.396	-
Các khoản khác	22.365	13.992.925
Cộng	488.852.761	488.190.925

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2021	Năm 2020
6. Chi phí khác		
Lãi chậm nộp bảo hiểm	2.345.911	2.494.584
Thanh toán chi phí công trình	488.830.396	397.839.500
Các khoản khác	204	3.982.857
Cộng	491.176.511	404.316.941
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	410.031.568	89.006.720
Chi phí nhân công	5.945.491.987	1.303.095.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.871.420	242.094.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.001.386.915	9.023.888.978
Chi phí khác bằng tiền	775.534.261	451.032.610
Cộng	11.205.316.151	11.109.118.420
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.068.968	(588.727.185)
a. Các khoản điều chỉnh tăng	23.630.263	20.338.824
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>23.630.263</i>	<i>20.338.824</i>
+ Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm	2.345.911	2.494.584
+ Thù lao thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành	21.284.352	17.844.240
b. Các khoản điều chỉnh giảm	53.699.231	-
<i>Lỗi được chuyển từ các năm trước</i>	<i>53.699.231</i>	<i>-</i>
2. Thu nhập tính thuế	-	(568.388.361)
3. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch/số dư	Phát sinh trong năm	Số dư phải thu cuối năm
Nông Thị Bích Hòa	Kế toán trưởng	Tạm ứng	-	508.937.000
Bé Văn Thìm	Chủ tịch	Tạm ứng	-	61.282.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát				
Bên liên quan	Mối quan hệ		Năm 2021	Năm 2020
Bé Văn Thìm	Chủ tịch		127.663.200	101.110.723
La Chí Thành	Giám đốc		120.582.720	88.016.377
Nông Thị Bích Hòa	Kế toán trưởng		106.421.760	91.790.773
Trần Đức Minh	Phó Giám đốc		88.684.800	-
Đàm Minh Hiếu	Kiểm soát viên		21.284.352	17.844.240
Cộng			464.636.832	298.762.113

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2021 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2020 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh.

Cao Bằng, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Bé Thị Cẩm

Nông Thị Bích Hòa

La Chí Thành

